**THÔNG TIN TUYỂN SINH UEH 2025**

18 chương trình đào tạo được thiết kế đào tạo theo định hướng đào tạo đa ngành, liên ngành, xuyên ngành:*[Phân tích dữ liệu](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-phan-tich-du-lieu-chuong-trinh-tieng-viet/);* [*Arttech*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-cong-nghe-nghe-thuat-arttech-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Điều khiển thông minh và tự động hóa*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-cong-nghe-nghe-thuat-arttech-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-truyen-thong-so-va-thiet-ke-da-phuong-tien-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Công nghệ Marketing*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-cong-nghe-marketing-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Kinh doanh số*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-kinh-doanh-so-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Công nghệ và đổi mới sáng tạo*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cong-nghe-va-doi-moi-sang-tao-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Công nghệ Logistics*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-cong-nghe-logistics-he-ky-su-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Robot và Trí tuệ nhân tạo*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-robot-va-tri-tue-nhan-tao-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Công nghệ tài chính*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-cong-nghe-tai-chinh-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-kien-truc-va-thiet-ke-do-thi-thong-minh-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Hệ thống thông tin quản lý*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-he-thong-thong-tin-quan-ly-chuong-trinh-tieng-viet/)*;* [*Thương mại điện tử*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/thuong-mai-dien-tu-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Khoa học dữ liệu*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/khoa-hoc-du-lieu-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Khoa học máy tính (hướng ứng dụng)*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-khoa-hoc-may-tinh-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Kỹ thuật phần mềm (hướng ứng dụng)*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/ky-thuat-phan-mem-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Công nghệ thông tin (hướng ứng dụng)*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-cong-nghe-thong-tin-chuong-trinh-chuan/)*;* [*An toàn thông tin (hướng ứng dụng)*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-an-toan-thong-tin-chuong-trinh-chuan/).

Sau khi lựa chọn được ngành học phù hợp với bản thân, sinh viên có thể lựa chọn các loại hình đào tạo như: (1) [nhóm chương trình tiên tiến quốc tế](https://tuyensinhdaihoc.ueh.edu.vn/#ChuongTrinhDaoTao), (2) [nhóm chương trình tiên tiến](https://tuyensinhdaihoc.ueh.edu.vn/#chuongtrinhtientien), (3) [chương trình Cử nhân Tài năng ISB BBus](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/dai-hoc-chinh-quy/#jet-tabs-control-1804), (4) [chương trình Cử nhân ISB ASEAN Co-op](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/dai-hoc-chinh-quy/#jet-tabs-control-1805).

Theo nhóm chương trình tiên tiến quốc tế và chương trình tiên tiến, sinh viên có thể lựa chọn học hoàn toàn bằng tiếng Anh, bán phần tiếng Anh và chương trình tiếng Việt. Học phí tín chỉ tiếng Việt từ 1.100.000 đến 1.300.000 VNĐ, học phí tín chỉ tiếng Anh bằng khoảng 1,4 lần tiếng Việt. Chương trình kế toán tích hợp có mức học phí tín chỉ tiếng Việt là 1.300.000 VNĐ/tín chỉ, học phí tín chỉ tiếng Anh là 1.900.000 VNĐ/tín chỉ. Chương trình Cử nhân tài năng BBUS, Cử nhân ISB ASEAN Co-op có mức học phí tín chỉ tiếng Việt là 1.100.000 VNĐ/tín chỉ, học phí tín chỉ tiếng Anh là 1.900.000 VNĐ/tín chỉ, học phí tín chỉ Mode coop là 3.290.000 VNĐ/tín chỉ. Học phí tại UEH Mekong bằng 60% học phí tại TP.HCM.

UEH có nhiều chính sách học bổng nhằm thu hút thí sinh giỏi, xuất sắc. Cụ thể, với điểm xét tuyển cao, người học có thể nhận học bổng tuyển sinh xuất sắc, toàn phần, bán phần, mức cao nhất lên tới 24,8 triệu đồng/suất, tổng số suất lên đến 726. Học bổng hỗ trợ học tập dành cho tân sinh viên có hoàn cảnh khó khăn theo từng mức là học bổng toàn phần và bán phần, mức cao nhất lên tới 15,6 triệu đồng/suất, tổng số suất lên đến 165. Để nâng chất đầu vào cho thế hệ nhân lực “làm chủ công nghệ, tư duy toàn cầu, hành động địa phương” tương lai, năm 2025, UEH tiếp tục thực hiện chương trình học bổng tuyển sinh toàn phần và bán phần cho 50% số sinh viên trúng tuyển vào các chương trình đào tạo mới thuộc các lĩnh vực Máy tính, Công nghệ thông tin và Công nghệ kỹ thuật.

**UEH Mekong**

Tại UEH Mekong (học tại Vĩnh Long, mã trường KSV) tiếp tục tuyển sinh 15 chương trình học. Trong đó, 09 chương trình tuyển sinh trên phạm vi cả nước: [*Tiếng Anh thương mại*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-tieng-anh-thuong-mai-chuong-trinh-tieng-viet-chung/)*;* [*Thương mại điện tử*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/thuong-mai-dien-tu-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Thuế*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/thue-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Luật kinh tế*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/luat-kinh-doanh-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư)*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-robot-va-tri-tue-nhan-tao-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Công nghệ và đổi mới sáng tạo*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cong-nghe-va-doi-moi-sang-tao-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-cong-nghe-logistics-he-ky-su-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Kinh doanh nông nghiệp*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/kinh-doanh-nong-nghiep-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-chuan/)*;* [*Quản trị khách sạn*](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/quan-tri-khach-san-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-chuan/) và chương trình quốc tế được cấp bằng bởi: WSU (Úc); VUW (New Zealand); UVic (Canada); MUST (Đài Loan).

Đặc biệt, 100% thí sinh có hộ khẩu Đồng bằng sông Cửu Long trúng tuyển các chương trình học: [Công nghệ và đổi mới sáng tạo](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cong-nghe-va-doi-moi-sang-tao-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-chuan/); [Robot và trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư)](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-robot-va-tri-tue-nhan-tao-chuong-trinh-chuan/); [Kinh doanh nông nghiệp](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/kinh-doanh-nong-nghiep-dai-hoc-chinh-quy-chuong-trinh-chuan/) được nhận học bổng đặc biệt (Học kỳ đầu) với suất học bổng toàn phần (đối với thí sinh có kết quả xét tuyển đạt Giỏi), học bổng bán phần (đối với các thí sinh có hộ khẩu ĐBSCL còn lại).

Sinh viên học tập tại cơ sở UEH Mekong được đào tạo cùng chất lượng, chung bằng cấp với mức học phí bằng 60% cơ sở TP.HCM. Sinh viên năm cuối sẽ tham gia chương trình luân chuyển campus học tại TP.HCM và có cơ hội tham gia chương trình trao đổi sinh viên với các trường khối ngành kinh tế trên cả nước và cộng đồng sinh viên quốc tế UEH Summer Camp.

Các mốc thời gian tuyển sinh ĐHCQ quan trọng và công cụ hỗ trợ hướng nghiệp dành cho học sinh THPT

Thí sinh, phụ huynh lưu ý các mốc thời gian tuyển sinh ĐHCQ quan trọng của UEH như sau:

- 30/03/2025: Thi đánh giá năng lực, ngoài ra tại UEH Mekong xét tuyển các đợt thi kỳ thi đánh giá đầu vào đại học V-SAT do Trường đại học Cần Thơ tổ chức năm 2025;

- Tháng 04/2025: Dự kiến thông báo chi tiết hướng dẫn nộp hồ sơ;

- Từ ngày 06/5/2025: mở cổng đăng ký xét tuyển trực tuyến;

- 10/5, 11/5, 17/5, 18/5/2025 : Virtual Open Days đợt 1, tư vấn trực tuyến 59 chương trình đào tạo cùng Thầy/Cô và chuyên gia hướng nghiệp UEH tại <https://event.ueh.edu.vn/>;

- Từ ngày 26/5/2025 (dự kiến): Tiếp nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT (PT1);

- Công bố kết quả xét tuyển: Theo lịch trình chung của Bộ GD&ĐT;

- Tháng 8 (dự kiến): Virtual Open Days đợt 2: Tư vấn nhập học, tư vấn chương trình tiên tiến quốc tế, tiên tiến, Tiếng Anh bán phần, Tiếng Anh toàn phần;

- Tháng 8 (dự kiến): Tổ chức nhập học;

- Tháng 9 (dự kiến): Học chính thức.

Thấu hiểu những cơ hội phát triển nghề nghiệp trong tương lai, UEH đã đồng hành cùng các thí sinh và phụ huynh trong việc lựa chọn ngành học phù hợp với tính cách, năng lực bằng cách tăng cường cung cấp các công cụ, chương trình tư vấn, hướng nghiệp bền vững. Cụ thể:

- Công cụ trắc nghiệm năng lực bản thân, lựa chọn ngành học, nghề nghiệp phù hợp <https://hieuveban.ueh.edu.vn/> hoặc [sử dụng bằng Zalo mini app](https://zalo.me/s/1883841182404547642/);

- Công cụ ôn thi tốt nghiệp trên hệ thống [UEH Global Learning](https://global.ueh.edu.vn/) với toàn bộ đề thi THPT từ năm 2015 đến nay;

- Công cụ tư vấn 24/7 tại hệ thống kho tri thức UEH <https://hotro.ueh.edu.vn/>tích hợp trí tuệ nhân tạo (AI);

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

## **PHỤ LỤC 1: CÁC LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO**

1. **Chương trình tiên tiến quốc tế:** Là các chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng bởi các tổ chức quốc tế (AUN-QA (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN), FIBAA (Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quốc tế của châu Âu)…). Sinh viên sau khi trúng tuyển, tùy theo các chương trình đào tạo có thể chọn học 1 trong 3 loại hình đào tạo:

* Tiếng Anh toàn phần: Giảng dạy toàn bộ bằng tiếng Anh trừ 11 tín chỉ lý luận chính trị, học phần giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng.
* Tiếng Anh Bán phần: Có tối thiểu 15 tín chỉ môn học ngành học bằng tiếng Anh.
* Tiếng Việt: Giảng dạy hoàn toàn bằng Tiếng Việt.

1. **Chương trình tiên tiến:** Là những chương trình đào tạo Tiên tiến, được thiết kế dựa trên TOP 200 Đại học hàng đầu thế giới; tham vấn bởi các chuyên gia hiệp hội nghề nghiệp quốc tế và được rà soát chất lượng định kỳ 2 – 5 năm/lần. Sinh viên sau khi trúng tuyển, tùy theo các chương trình đào tạo có thể chọn học 1 trong 3 loại hình đào tạo:

* Tiếng Anh toàn phần: Giảng dạy toàn bộ bằng tiếng Anh trừ 11 tín chỉ lý luận chính trị, học phần giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng.
* Tiếng Anh Bán phần: Có tối thiểu 15 tín chỉ môn học ngành học bằng tiếng Anh.
* Tiếng Việt: Giảng dạy hoàn toàn bằng Tiếng Việt.

1. **Chương trình Cử nhân tài năng ISB BBus:** Học tập hoàn toàn bằng tiếng Anh với cường độ cao và cập nhật liên tục, giúp sinh viên nhanh chóng tiếp cận những kiến thức mới. Các kỹ năng mềm được lồng ghép trong suốt quá trình học tập với sự đa dạng trong hình thức triển khai. Sinh viên có cơ hội tham gia trao đổi sinh viên với các trường quốc tế uy tín và trở thành nhân sự làm việc cho tập đoàn lớn tại Việt Nam và toàn cầu. Sinh viên chương trình Cử nhân Tài năng sẽ được xét vào một trong các ngành theo nguyện vọng khi làm thủ tục nhập học: Kinh doanh Quốc tế, Quản trị Kinh doanh, Marketing, Tài chính Ứng dụng, Kế toán.
2. **Chương trình Cử nhân ISB ASEAN Co-op:** Đào tạo dựa trên cơ sở chương trình Cử nhân Tài năng ISB BBus, học hoàn toàn bằng tiếng Anh. Chương trình không chỉ cung cấp kiến thức tổng quan, chuyên sâu cho sinh viên mà còn tạo cơ hội thực hành nghề nghiệp và các kinh nghiệm làm việc thực tiễn tại các tập đoàn tại các nước ASEAN ngay trong quá trình học tập tại trường. Tham gia chương trình học, người học có thể trải nghiệm 1 số học môn học tại các trường đối tác nước ngoài và học tập 1 số môn học gắn thực tế tại các doanh nghiệp trong khu vực ASEAN. Sau 02 học kỳ, sinh viên sẽ được xét vào một trong hai ngành (Marketing, Tài chính Ứng dụng) căn cứ vào nguyện vọng, kết quả học tập và chỉ tiêu.
3. **Chương trình trao đổi và liên kết quốc tế:** Chương trình hợp tác đào tạo giữa UEH và các đối tác đại học ở quốc gia khác giúp sinh viên học tập ở môi trường đại học quốc tế, được trải nghiệm nền văn hóa mới và nhận bằng cấp quốc tế.

## **PHỤ LỤC** 2**: CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH**

1. **Học tại TP.HCM**

* Kiến thức Đa ngành, đa lĩnh vực, gắn liền với các kiến thức Phát triển bền vững;
* Các chương trình đào tạo Tiên tiến quốc tế, Tiên tiến được phát triển với tinh thần “Dạy những gì các Đại học hàng đầu thế giới đang dạy”, được công nhận quốc tế bởi kiểm định chất lượng Châu Á AUN-QA và Châu Âu FIBAA;
* Đa dạng loại hình đào tạo: tiếng Anh toàn phần; tiếng Anh bán phần; hoàn toàn tiếng Việt;
* Sinh viên được luân chuyển campus, trải nghiệm Mekong trong quá trình học tập;
* Trao đổi sinh viên quốc tế.

| **Học tại TP.HCM (KSA), Học tại UEH Mekong (KSV): Một thương hiệu – Một bằng cấp – Một chất lượng**  **59 chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã đăng ký xét tuyển** | **Chương trình đào tạo** | **Thuộc ngành** | **Chỉ tiêu 2025** | **Tổ hợp xét tuyển 2025**  (Phương thức 3,5) | | **Điểm trúng tuyển 2024**  (Phương thức 3,4,5,6)[[1]](#footnote-1) | | | |
| **PT3** | **PT5** | **PT3** | **PT4** | **PT5** | **PT6** |
| **Nhóm 1: Chương trình tiên tiến quốc tế:** Là các chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế Châu Á (AUN-QA) hoặc Châu Âu (FIBAA) [[2]](#footnote-2). Sinh viên sau khi trúng tuyển, tùy theo từng chương trình đào tạo có thể chọn học 1 trong 3 loại hình đào tạo:   * *Tiếng Anh toàn phần:* Học tập hoàn toàn bằng tiếng Anh (trừ các học phần Lý luận chính trị và Giáo dục thể chất); * *Tiếng Anh Bán phần:* Tối thiểu 15 tín chỉ môn học ngành học bằng tiếng Anh; * *Tiếng Việt:* Học tập hoàn toàn bằng Tiếng Việt | | | | | | | | | | |
| **I.** | **Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý** | | | | | | | | | |
| 1 | 7340302 | Kiểm toán (Auditing) | Kiểm toán | 200 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2  - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40 | A00, A01, D01, D07, D09 | 68 | 70 | 930 | 26.50 |
| 2 | 7340301\_01 | Kế toán doanh nghiệp (Corporate Accounting) (S) | Kế toán | 590 | 53 | 56 | 835 | 25.40 |
| 3 | 7340301\_02 | Kế toán công (Public Sector Accounting) | 50 | 56 | 58 | 860 | 25.50 |
| 4 | 7340120 | Kinh doanh quốc tế (International Business) | Kinh doanh quốc tế | 570 | 71 | 71 | 930 | 26.72 |
| 5 | 7340121 | Kinh doanh thương mại (Commerce) | Kinh doanh thương mại | 210 | 68 | 71 | 910 | 26.54 |
| 6 | 7340115\_01 | Marketing | Marketing | 160 | 76 | 77 | 930 | 26.80 |
| 7 | 7340115\_02 | Công nghệ Marketing (Marketing Technology) | 70 | 72 | 73 | 930 | 27.20 |
| 8 | 7340101\_01 | Quản trị kinh doanh (Business Administration) | Quản trị kinh doanh | 850 | 55 | 55 | 830 | 25.80 |
| 9 | 7340101\_02 | Kinh doanh số (Digital Business) | 70 | 65 | 68 | 900 | 26.41 |
| 10 | 7340101\_03 | Quản trị bệnh viện (Hospital Management) | 100 | 50 | 50 | 810 | 24.10 |
| 11 | 7340101\_04 | Quản trị bền vững doanh nghiệp và môi trường (Corporate Sustainability and Environmental Management) (\*\*\*) | 40 | **Chương trình mới tuyển sinh năm 2025** | | | |
| 12 | 7340201\_01 | Tài chính công (Public Finance) | Tài chính - Ngân hàng | 50 | 54 | 57 | 830 | 25.50 |
| 13 | 7340201\_02 | Thuế (Taxation) | 100 | 52 | 56 | 820 | 25.20 |
| 14 | 7340201\_03 | Ngân hàng (Banking) | 250 | 59 | 63 | 860 | 25.60 |
| 15 | 7340201\_04 | Thị trường chứng khoán (Stock Market) | 100 | 50 | 52 | 820 | 25.00 |
| 16 | 7340201\_05 | Tài chính (Finance) | 470 | 63 | 66 | 875 | 26.03 |
| 17 | 7340201\_06 | Đầu tư tài chính (Financial Investment) | 70 | 59 | 60 | 865 | 26.03 |
| 18 | 7340201\_07 | Quản trị Hải quan – Ngoại thương (International Trade and Customs Management) | 100 | 53 | 56 | 820 | 25.80 |
| 19 | 7340201\_08 | Chương trình đào tạo nguồn nhân lực quốc tế ngành Tài chính - Ngân hàng (Finance - Banking) | 40 | **Chương trình mới tuyển sinh năm 2025** | | | |
| 20 | 7340116 | Bất động sản (Real Estate) | Bất động sản | 110 | 50 | 53 | 800 | 24.50 |
| 21 | 7340301\_03 | Chương trình Kế toán tích hợp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế ICAEW (\*\*\*) (Accounting Program Integrated Professional Certificates-ICAEW) | Kế toán | 50 | 61 | 64 | 820 | 25.20 |
| 22 | 7340301\_04 | Chương trình Kế toán tích hợp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế ACCA (\*\*\*) (Accounting Program Integrated Professional Certificates-ACCA) | Kế toán | 50 | 61 | 64 | 820 | 25.20 |
| **II.** | **Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi (**[**Top 501+ Đại học thế giới theo BXH THE 2025**](https://www.ueh.edu.vn/cuoc-song-ueh/tin-tuc/to-chuc-the-cong-bo-xep-hang-dai-hoc-the-gioi-2025-theo-linh-vuc-cac-linh-vuc-truyen-thong-cua-ueh-dan-dau-cac-dai-hoc-tai-viet-nam-vao-top-cac-dai-hoc-hang-dau-the-gioi-73404)**)** | | | | | | | | | |
| 23 | 7310104\_01 | Kinh tế đầu tư (Investment Economics) | Kinh tế đầu tư | 200 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2  - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40 | A00, A01, D01, D07, D09 | 59 | 62 | 870 | 26.10 |
| 24 | 7310104\_02 | Thẩm định giá và Quản trị tài sản (Valuation and Asset Management) | 100 | 50 | 50 | 820 | 24.80 |
| 25 | 7310101 | Kinh tế (Economics) | Kinh tế | 110 | 67 | 69 | 920 | 26.30 |
| **III.** | **Lĩnh vực Pháp luật** | | | | | | | | | |
| 26 | 7380107 | Luật kinh tế (Economic Law) | Luật kinh tế | 150 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40 | A00, A01, D01, D09 | 65 | 67 | 905 | 25.60 |
| 27 | 7380101 | Luật kinh doanh quốc tế (International Business Law) | Luật | 70 | 68 | 70 | 905 | 25.80 |
| **IV.** | **Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật** | | | | | | | | | |
| 28 | 7510605\_01 | Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Logistics and Supply Chain Management) | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng | 110 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2 | A00, A01, D01, D07 | 83 | 85 | 995 | 27.10 |
| 29 | 7510605\_02 | Công nghệ Logistics hệ kỹ sư (Logistics Technology) | 70 | 67 | 68 | 930 | 26.30 |
| **V.** | **Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân** | | | | | | | | | |
| 30 | 7810103 | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành (Management of Tourism Services and Travel) | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | 165 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2  - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40 | A00, A01, D01, D07, D09 | 53 | 56 | 820 | 25.20 |
| 31 | 7810201\_01 | Quản trị khách sạn (Hospitality Management) | Quản trị khách sạn | 85 | 61 | 62 | 850 | 25.50 |
| 32 | 7810201\_02 | Quản trị sự kiện và dịch vụ giải trí (Event and Leisure Service Management) | 80 | 67 | 68 | 860 | 26.10 |
| **VI.** | **Lĩnh vực Nhân văn** | | | | | | | | | |
| 33 | 7220201 | Tiếng Anh thương mại (Business English) (S) | Ngôn ngữ Anh | 150 | - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40 | D01, D09 | 66 | 68 | 880 | 26.30 |
| **Nhóm 2: Chương trình tiên tiến**  Là những chương trình đào tạo được thiết kế dựa trên TOP 200 Đại học hàng đầu thế giới; tham vấn bởi các chuyên gia hiệp hội nghề nghiệp quốc tế và được rà soát chất lượng định kỳ 2 – 5 năm/lần. Sinh viên sau khi trúng tuyển, tùy theo các chương trình đào tạo có thể chọn học 1 trong 3 loại hình đào tạo:   * *Tiếng Anh toàn phần:* Học tập hoàn toàn bằng tiếng Anh (trừ các học phần Lý luận chính trị và Giáo dục thể chất); * *Tiếng Anh Bán phần:* Tối thiểu 15 tín chỉ môn học ngành học bằng tiếng Anh; * *Tiếng Việt:* Học tập hoàn toàn bằng Tiếng Việt. | | | | | | | | | | |
| **I.** | **Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi** | | | | | | | | | |
| 34 | 7310102 | Kinh tế chính trị (Political Economics) (S) | Kinh tế chính trị | 50 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2  - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40 | A00, A01, D01, D07, D09 | 53 | 55 | 830 | 24.90 |
| 35 | 7310107 | Thống kê kinh doanh (Business Statistics) | Thống kê kinh tế | 50 | 55 | 60 | 880 | 26.01 |
| 36 | 7310108\_01 | Toán tài chính (Financial Mathematics) (S) | Toán kinh tế | 50 | 56 | 59 | 880 | 25.72 |
| 37 | 7310108\_02 | Phân tích rủi ro và định phí bảo hiểm (Actuarial Science) | 70 | 48 | 49 | 810 | 25.00 |
| **II.** | **Lĩnh vực Báo chí và Thông tin** | | | | | | | | | |
| 38 | 7320106 | Truyền thông số và thiết kế đa phương tiện (Digital Communication and Media Design) (S) | Công nghệ truyền thông | 100 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2  - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40 | A00, A01, D01, D07, D09 | 76 | 77 | 940 | 26.60 |
| **III.** | **Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (**[**Top 301+ Đại học thế giới theo BXH THE 2025**](https://www.ueh.edu.vn/cuoc-song-ueh/tin-tuc/to-chuc-the-cong-bo-xep-hang-dai-hoc-the-gioi-2025-theo-linh-vuc-cac-linh-vuc-truyen-thong-cua-ueh-dan-dau-cac-dai-hoc-tai-viet-nam-vao-top-cac-dai-hoc-hang-dau-the-gioi-73404)**)** | | | | | | | | | |
| 39 | 7340122 | Thương mại điện tử (Electronic Commerce) | Thương mại điện tử | 140 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2  - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40 | A00, A01, D01, D07, D09 | 70 | 72 | 945 | 26.50 |
| 40 | 7340204 | Bảo hiểm (Insurance) (S) | Bảo hiểm | 50 | 48 | 50 | 800 | 24.50 |
| 41 | 7340205 | Công nghệ tài chính (Financial Technology) | Công nghệ tài chính | 70 | 67 | 69 | 935 | 26.50 |
| 42 | 7340206 | Tài chính quốc tế ( International Finance) | Tài chính quốc tế | 110 | 70 | 72 | 920 | 26.50 |
| 43 | 7340403 | Quản lý công (Public Management) (S) | Quản lý công | 70 | 50 | 51 | 800 | 24.93 |
| 44 | 7340404 | Quản trị nhân lực (Human Resource Management) | Quản trị nhân lực | 150 | 64 | 67 | 870 | 26.00 |
| 45 | 7340405 | Hệ thống thông tin quản lý (Management Information System) | Hệ thống thông tin quản lý | 110 | 64 | 67 | 910 | 26.10 |
| **IV.** | **Lĩnh vực Toán và thống kê** | | | | | | | | | |
| 46 | 7460108\_01 | Khoa học dữ liệu (Data Science) | Khoa học dữ liệu | 55 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2 | A00, A01, D01, D07 | 72 | 74 | 950 | 26.30 |
| 47 | 7460108\_02 | Phân tích dữ liệu (Data Analytics) | 40 | **Chương trình mới tuyển sinh năm 2025** | | | |
| **V.** | **Lĩnh vực Máy tính, công nghệ thông tin** | | | | | | | | | |
| 48 | 7480101 | Khoa học máy tính (Computer Science) | Khoa học máy tính | 50 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2 | A00, A01, D01, D07 | 66 | 67 | 900 | 25.00 |
| 49 | 7480103 | Kỹ thuật phần mềm (Software Engineering) | Kỹ thuật phần mềm | 55 | 62 | 65 | 875 | 25.43 |
| 50 | 7480107\_01 | Robot và Trí tuệ nhân tạo hệ kỹ sư (Robotics and Artificial Intelligence) | Trí tuệ nhân tạo | 70 | 60 | 63 | 900 | 24.70 |
| 51 | 7480107\_02 | Điều khiển thông minh và tự động hóa hệ kỹ sư (Intelligent Control and Automation) | 70 | 50 | 50 | 800 | 23.80 |
| 52 | 7480201\_01 | Công nghệ thông tin (Information Technology) | Công nghệ thông tin | 50 | 56 | 61 | 850 | 25.40 |
| 53 | 7480201\_02 | Công nghệ nghệ thuật (Arttech) | 70 | 65 | 65 | 900 | 26.23 |
| 54 | 7480201\_03 | Công nghệ và đổi mới sáng tạo (Technology and Innovation Management) | 100 | 56 | 59 | 885 | 25.50 |
| 55 | 7480202 | An toàn thông tin (Cybersecurity) | An toàn thông tin | 50 | 49 | 49 | 800 | 24.80 |
| **VI.** | **Lĩnh vực Kiến trúc và xây dựng** | | | | | | | | | |
| 56 | 7580104 | Kiến trúc và thiết kế đô thị thông minh (Architectural and Urban Design for Inclusive Smart City) | Kiến trúc đô thị | 110 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40 | A00, A01, D01, V00, D09 | 53 | 56 | 830 | 24.70 |
| **VII.** | **Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản** | | | | | | | | | |
| 57 | 7620114 | Kinh doanh nông nghiệp (Agribusiness) (S) | Kinh doanh nông nghiệp | 50 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2  - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40 | A00, A01, D01, D07, D09 | 50 | 54 | 810 | 25.35 |

(S): Có chương trình đào tạo song bằng tích hợp

(\*\*\*): Yêu cầu có chứng chỉ tiếng Anh IELTS Academic từ 6.0 (hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên)

| **CHƯƠNG TRÌNH CỬ NHÂN TÀI NĂNG ISB BBUS & CỬ NHÂN ISB ASEAN CO-OP** | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã đăng ký xét tuyển** | **Chương trình đào tạo** | **Thuộc ngành** | **Chỉ tiêu 2025** | **Tổ hợp xét tuyển 2025**  (Phương thức 3,5) | | **Điểm trúng tuyển 2024**  (Phương thức 3,4,6)[[3]](#footnote-3) | | |
| **PT3** | **PT5** | **PT3** | **PT4** | **PT6** |
| **I.** | **Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý** | | | | | | | | |
| **Chương trình Cử nhân tài năng ISB BBus:** Học tập hoàn toàn bằng tiếng Anh với cường độ cao và cập nhật liên tục, giúp sinh viên nhanh chóng tiếp cận những kiến thức mới. Các kỹ năng mềm được lồng ghép trong suốt quá trình học tập với sự đa dạng trong hình thức triển khai. Sinh viên có cơ hội tham gia trao đổi sinh viên với các trường quốc tế uy tín và trở thành nhân sự làm việc cho tập đoàn lớn tại Việt Nam và toàn cầu. Sinh viên chương trình Cử nhân Tài năng ISB BBus sẽ được xét vào một trong các ngành theo nguyện vọng khi làm thủ tục nhập học: Kinh doanh Quốc tế, Quản trị Kinh doanh, Marketing, Tài chính Ứng dụng, Kế toán.  **Chương trình Cử nhân ISB ASEAN Co-op:** Đào tạo dựa trên cơ sở chương trình Cử nhân Tài năng ISB BBus, học hoàn toàn bằng tiếng Anh. Chương trình không chỉ cung cấp kiến thức tổng quan, chuyên sâu cho sinh viên mà còn tạo cơ hội thực hành nghề nghiệp và các kinh nghiệm làm việc thực tiễn tại các tập đoàn tại các nước ASEAN ngay trong quá trình học tập tại trường. Tham gia chương trình học, người học có thể trải nghiệm 1 số học môn học tại các trường đối tác nước ngoài và học tập 1 số môn học gắn thực tế tại các doanh nghiệp trong khu vực ASEAN. Sau 02 học kỳ, sinh viên sẽ được xét vào một trong hai ngành (Marketing, Tài chính Ứng dụng) căn cứ vào nguyện vọng, kết quả học tập và chỉ tiêu. | | | | | | | | | |
| 58 | ISB\_CNTN | Cử nhân Tài năng ISB BBus | [Quản trị kinh doanh](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-tai-nang-isb-bbus-nganh-quan-tri-kinh-doanh/) | 550 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2  - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40 | A00, A01, D01, D07, D09 | 73 | 73 | 27.10 |
| [Kinh doanh quốc tế](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-tai-nang-isb-bbus-nganh-kinh-doanh-quoc-te/) |
| [Marketing](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-tai-nang-isb-bbus-nganh-marketing/) |
| [Tài chính Ứng dụng](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-tai-nang-isb-bbus-nganh-tai-chinh-ung-dung/) |
| [Kế toán](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-tai-nang-isb-bbus-nganh-ke-toan/) |
| 59 | ASA\_Co-op | Cử nhân ISB ASEAN Co-op | [Tài chính Ứng dụng](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-isb-asean-coop-nganh-tai-chinh-ung-dung/) | 50 | 72 | 72 | 25.30 |
| [Marketing](https://tuyensinh.ueh.edu.vn/bai-viet/cu-nhan-isb-asean-coop-nganh-marketing/) |

1. **Học tại UEH Mekong, Vĩnh Long**

* Một chất lượng – Một bằng cấp – Một thương hiệu, không phân biệt nơi đào tạo;
* Học phí chỉ bằng 60% so với học tại TP. Hồ Chí Minh;
* Kiến thức Đa ngành, đa lĩnh vực, gắn liền với các kiến thức Phát triển bền vững;
* Các chương trình đào tạo Tiên tiến quốc tế, Tiên tiến được phát triển với tinh thần “Dạy những gì các Đại học hàng đầu thế giới đang dạy”, được công nhận quốc tế bởi kiểm định chất lượng AUN-QA và FIBAA;
* Nhiều chính sách học bổng hỗ trợ cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long;
* Tất cả sinh viên năm cuối luân chuyển campus học tại TP. Hồ Chí Minh.

| **Học tại UEH Mekong Vĩnh Long (KSV) Trải nghiệm Mekong – Sẵn sàng hội nhập quốc tế**  **15 chương trình đào tạo** | | | | | | | | | | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã đăng ký xét tuyển** | **Chương trình đào tạo** | **Thuộc ngành** | **Chỉ tiêu 2025** | **Tổ hợp xét tuyển 2025**  (Phương thức 3,5) | | **Điểm trúng tuyển 2024**  (Phương thức 3,4,5,6)[[4]](#footnote-4) | | | |
| **PT3** | **PT5** | **PT3** | **PT4** | **PT5** | **PT6** |
| **PHẠM VI TUYỂN SINH CẢ NƯỚC** | | | | | | | | | | |
| **Nhóm Chương trình tiên tiến:** Là những chương trình đào tạo được thiết kế dựa trên TOP 200 Đại học hàng đầu thế giới; tham vấn bởi các chuyên gia hiệp hội nghề nghiệp quốc tế và được rà soát chất lượng định kỳ 2 – 5 năm/lần. Sinh viên trúng tuyển học tại UEH Mekong, Vĩnh Long sẽ học chương trình tiếng Việt. | | | | | | | | | | |
| **I.** | **Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản** | | | | | | | | | |
| 1 | 7620114 | Kinh doanh nông nghiệp (Agribusiness) (S) | Kinh doanh nông nghiệp | 30 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2  - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40 | A00, A01, D01, D07, D09 | 49 | 40 | 600 | 17.00 |
| **II.** | **Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (**[**Top 301+ Đại học thế giới theo BXH THE 2025**](https://www.ueh.edu.vn/cuoc-song-ueh/tin-tuc/to-chuc-the-cong-bo-xep-hang-dai-hoc-the-gioi-2025-theo-linh-vuc-cac-linh-vuc-truyen-thong-cua-ueh-dan-dau-cac-dai-hoc-tai-viet-nam-vao-top-cac-dai-hoc-hang-dau-the-gioi-73404)**)** | | | | | | | | | |
| 2 | 7340122 | Thương mại điện tử (Electronic Commerce) | Thương mại điện tử | 60 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2  - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40 | A00, A01, D01, D07, D09 | 49 | 42 | 600 | 20.00 |
| **III.** | **Lĩnh vực Máy tính, công nghệ thông tin** | | | | | | | | | |
| 3 | 7480107 | Robot và Trí tuệ nhân tạo (*hệ kỹ sư)* (Robotics and Artificial Intelligence) | Trí tuệ nhân tạo | 30 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D2, D3, D4, D5, D6, DD2  - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2 | A00, A01, D01, D07 | 49 | 40 | 550 | 17.00 |
| 4 | 7480201 | Công nghệ và đổi mới sáng tạo (Technology and Innovation) | Công nghệ thông tin | 30 | 49 | 40 | 550 | 17.00 |
| **Nhóm Chương trình tiên tiến quốc tế:** Là các chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế Châu Á (AUN-QA) hoặc Châu Âu (FIBAA) [[5]](#footnote-5). Sinh viên trúng tuyển học tại UEH Mekong, Vĩnh Long sẽ học chương trình tiếng Việt. | | | | | | | | | | |
| **I.** | **Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (**[**Top 301+ Đại học thế giới theo BXH THE 2025**](https://www.ueh.edu.vn/cuoc-song-ueh/tin-tuc/to-chuc-the-cong-bo-xep-hang-dai-hoc-the-gioi-2025-theo-linh-vuc-cac-linh-vuc-truyen-thong-cua-ueh-dan-dau-cac-dai-hoc-tai-viet-nam-vao-top-cac-dai-hoc-hang-dau-the-gioi-73404)**)** | | | | | | | | | |
| 5 | 7340201\_03 | Thuế (Taxation) | Tài chính - Ngân hàng | 30 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2  - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40 | A00, A01, D01, D07, D09 | 49 | 40 | 600 | 17.00 |
| **II.** | **Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân** | | | | | | | | | |
| 6 | 7810201 | Quản trị khách sạn (Hospitality Management) | Quản trị khách sạn | 30 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D2, D3, D4, D5, D6, DD2  - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2  - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40 | A00, A01, D01, D07, D09 | 49 | 40 | 550 | 18.00 |
| **III.** | **Lĩnh vực Nhân văn** | | | | | | | | | |
| 7 | 7220201 | Tiếng Anh thương mại (Business English) | Ngôn ngữ Anh | 30 | - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40 | D01, D09 | 49 | 40 | 600 | 17.00 |
| **IV.** | **Lĩnh vực Pháp luật** | | | | | | | | | |
| 8 | 7380107 | Luật kinh tế (Economic Law) | Luật kinh tế | 30 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40 | A00, A01, D01, D09 | 49 | 42 | 600 | 20.50 |
| **V.** | **Lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật** | | | | | | | | | |
| 9 | 7510605 | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng (Logistics and Supply Chain Management) | Logistics và quản lý chuỗi cung ứng | 50 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2 | A00, A01, D01, D07 | 49 | 48 | 650 | 21.50 |
| **PHẠM VI TUYỂN SINH KHU VỰC ĐBSCL** | | | | | | | | | | |
| **Nhóm Chương trình tiên tiến quốc tế:** Là các chương trình đào tạo đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế Châu Á (AUN-QA) hoặc Châu Âu (FIBAA). Sinh viên trúng tuyển học tại UEH Mekong, Vĩnh Long sẽ học chương trình tiếng Việt. | | | | | | | | | | |
| **I.** | **Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý (T**[**op 301+ Đại học thế giới theo BXH THE 2025**](https://www.ueh.edu.vn/cuoc-song-ueh/tin-tuc/to-chuc-the-cong-bo-xep-hang-dai-hoc-the-gioi-2025-theo-linh-vuc-cac-linh-vuc-truyen-thong-cua-ueh-dan-dau-cac-dai-hoc-tai-viet-nam-vao-top-cac-dai-hoc-hang-dau-the-gioi-73404)**)** | | | | | | | | | |
| 10 | 7340101 | Quản trị (Administration) | Quản trị kinh doanh | 30 | - A00  - A01, D26, D27, D28, D29, D30, AH3  - D01, D02, D03, D04, D05, D06, DD2  - D07, D21, D22, D23, D24, D25, AH2  - D09, AH5, D36, D37, D38, D39, D40 | A00, A01, D01, D07, D09 | 49 | 40 | 600 | 18.00 |
| 11 | 7340115 | Marketing | Marketing | 70 | 49 | 42 | 600 | 22.00 |
| 12 | 7340120 | Kinh doanh quốc tế (International Business) | Kinh doanh quốc tế | 50 | 49 | 42 | 600 | 18.50 |
| 13 | 7340201\_01 | Ngân hàng (Banking) | Tài chính - Ngân hàng | 35 | 49 | 40 | 600 | 18.00 |
| 14 | 7340201\_02 | Tài chính (Finance) | 35 | 49 | 40 | 600 | 18.00 |
| 15 | 7340301 | Kế toán doanh nghiệp (Corporate Accounting) (S) | Kế toán | 60 | 49 | 40 | 600 | 18.00 |

(S): Có chương trình đào tạo song bằng tích hợp.

## **PHỤ LỤC 3: PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN VÀ TỔ HỢP XÉT TUYỂN**

**Phương thức 1: Xét tuyển thẳng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.**

Chỉ tiêu: 2%

**Phương thức 2: Xét tuyển thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài và có chứng chỉ quốc tế.**

Chỉ tiêu 1%

A) Đối với thí sinh có quốc tịch Việt Nam, thuộc một trong các đối tượng:

**(1) Thí sinh có một trong các bằng tú tài/chứng chỉ quốc tế sau:**

- Bằng tú tài quốc tế IB (International Baccalaureate) đạt từ 26 điểm trở lên;

- Chứng chỉ quốc tế của Trung tâm Khảo thí ĐH Cambridge, Anh (Cambridge International Examinations A-Level, UK; sau đây gọi tắt là chứng chỉ A-Level) đạt từ C đến A.

- Chứng chỉ BTEC (Business&Technical Education Council, Hội đồng Giáo dục Thương mại và Kỹ thuật Anh) Level 3 Extended Diploma đạt từ C đến A.

**(2) Thí sinh tốt nghiệp chương trình THPT của nước ngoài và có một trong các chứng chỉ sau:**

- Chứng chỉ IELTS từ 6.0 trở lên.

- Chứng chỉ TOEFL iBT từ 73 điểm trở lên.

- Chứng chỉ SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ) mỗi phần thi từ 500 điểm trở lên.

- Chứng chỉ ACT (American College Testing) từ 20 điểm (thang điểm 36) trở lên.

B) Đối với thí sinh có quốc tịch khác quốc tịch Việt Nam (Lào, Campuchia, Thái Lan...) và tốt nghiệp THPT của nước ngoài (gọi tắt thí sinh nước ngoài):

- Thí sinh nước ngoài đăng ký học tập chương trình bằng tiếng Anh cần đạt điều kiện về ngôn ngữ tiếng Anh của chương trình đó.

- Thí sinh nước ngoài đăng ký học tập chương trình bằng tiếng Việt cần đạt điều kiện về ngôn ngữ tiếng Việt theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT.

**Lưu ý:** *Thời hạn các chứng chỉ quốc tế còn hiệu lực tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển.*

**Phương thức 3: Xét tuyển thí sinh có kết quả học tập Tốt**

Chỉ tiêu: 40% - 50%

Điểm xét tuyển được quy đổi từ 05 tiêu chí sau, trong đó 01 tiêu chí bắt buộc và 04 tiêu chí không bắt buộc:

**- Tiêu chí bắt buộc:** Điểm trung bình tổ hợp môn đăng ký xét tuyển tính theo năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 từ 6.50 trở lên.

- **Tiêu chí không bắt buộc:**

+ Học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) tương đương IELTS từ 6.0 hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên.

+ Học sinh đạt giải thưởng (Nhất, Nhì, Ba) kỳ thi chọn học sinh Giỏi THPT cấp tỉnh, cấp thành phố (trực thuộc trung ương) các môn: Toán, Vật lý, Hóa học, Tiếng Anh, Ngữ văn, Tin học, Lịch sử.

+ Học sinh khen thưởng/danh hiệu (xếp loại học lực) năm lớp 10, 11, 12 là học sinh xuất sắc, học sinh giỏi.

+ Học sinh trường THPT chuyên/năng khiếu.

**Phương thức 4: Xét tuyển dựa trên kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG TP.HCM (KSA, KSV), kết quả kỳ thi V-SAT (chỉ áp dụng cho KSV và do Trường Đại học Cần Thơ tổ chức thi năm 2025) kết hợp với trình độ tiếng Anh quốc tế**

Chỉ tiêu: 10-20%

- Điều kiện: thí sinh dự thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh năm 2025 (KSA, KSV), dự thi đánh giá đầu vào đại học V-SAT do trường ĐH Cần Thơ tổ chức năm 2025(1) (dành cho KSV).

- Điểm xét tuyển theo thang điểm quy định của UEH theo từng chương trình, là tổng điểm được quy đổi từ 02 tiêu chí sau, trong đó 01 tiêu chí bắt buộc và 01 tiêu chí không bắt buộc:

**+ Tiêu chí bắt buộc:** Điểm thi của thí sinh dự thi đánh giá đầu vào đại học V-SAT hoặc thi đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh năm 2025.

**+ Tiêu chí không bắt buộc:** Học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế còn thời hạn (tính đến ngày nộp hồ sơ xét tuyển) tương đương IELTS từ 6.0 hoặc TOEFL iBT từ 73 trở lên.

(1) **KSA không sử dụng kết quả thi đánh giá đầu vào đại học V-SAT; KSV sử dụng kết quả thi đánh giá đầu vào đại học V-SAT do Trường Đại học Cần Thơ tổ chức thi năm 2025.**

**Phương thức 5: Xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025**

Chỉ tiêu: Còn lại

Xét tuyển thí sinh tham gia kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025, trong đó có kết quả các môn thi theo tổ hợp xét tuyển của UEH, tốt nghiệp THPT hoặc tương đương theo quy định của Bộ GD&ĐT.

## **PHỤ LỤC 4: HỌC PHÍ - HỌC BỔNG UEH**

**I. THÔNG TIN HỌC PHÍ**

**1. Đào tạo ĐHCQ tại Thành phố Hồ Chí Minh (KSA):**

* Thực hiện điều chỉnh tăng, giảm hoặc giữ nguyên các mức học phí của các loại học phần, các chương trình để tiến đến năm học 2025-2026 thống nhất 1 mức học phí cho các học phần trong 1 nhóm theo phân loại: học phần tiếng Việt, tiếng Anh, tiếng Việt các môn tích hợp chứng chỉ quốc tế.
* Mức học phí năm học 2024-2025:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Chương trình | Học phí |
| 1 | Các chương trình tiên tiến quốc tế (đã kiểm định quốc tế) | Tiếng Việt: 1.300.000 đ/tín chỉ  Tiếng Anh: x 1,4  Thực hành: x 1,2 |
| 2 | Chương trình tích hợp chứng chỉ nghề nghiệp quốc tế (ACCA và ICAEW) | Tiếng Việt: 1.300.000 đ/tín chỉ  Tiếng Anh: 1.900.000 đ/tín chỉ |
| 3 | Các chương trình tiên tiến (khối ngành III, VII) | Tiếng Việt: 1.100.000 đ/tín chỉ  Tiếng Anh: x 1,4  Thực hành: x 1,2 |
| 4 | Các chương trình tiên tiến (khối ngành V) | Tiếng Việt: 1.200.000 đ/tín chỉ  Tiếng Anh: x 1,4  Thực hành: x 1,2 |
| 5 | Cử nhân tài năng | Tiếng Việt: 1.100.000 đ/tín chỉ  Tiếng Anh: 1.900.000đ/tín chỉ |
| 6 | Asean Coop | Tiếng Việt: 1.100.000 đ/tín chỉ  Tiếng Anh: 1.900.000 đ/tín chỉ  Mode Coop: 3.290.000 đ/tín chỉ |

- Lộ trình tăng học phí mỗi năm (tăng không quá 10%/năm).

**2. Đào tạo ĐHCQ tại UEH Mekong, Vĩnh Long (KSV):**

Mức học phí năm học 2025 – 2026: (bằng 60% học phí của cơ sở tại Thành Phố Hồ Chí Minh).

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chương trình** | **Học phí** |
| 1 | Các chương trình tiên tiến quốc tế (đã kiểm định quốc tế) | Tiếng Việt: 780.000 đ/tín chỉ |
| 2 | Các chương trình tiên tiến | Tiếng Việt: 660.000 đ/tín chỉ |

- Lộ trình tăng học phí (mức tăng không quá 5%/năm).

*Đối với các học phần thực hành, đồ án, thực tế ,… của chương trình Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư): mức học phí tín chỉ = 1,2 x mức học phí tín chỉ học phần lý thuyết*

\**Tín chỉ: được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết lý thuyết, 30-45 tiết thực hành; 45-90 giờ thực tập tại cơ sở; 45-60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn (theo quy định của UEH).*

**II. THÔNG TIN HỌC BỔNG**

**1. Đào tạo tại Thành phố Hồ Chí Minh (KSA):**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HỌC BỔNG TUYỂN SINH NĂM 2025 (KHÓA 51)** | | | |
| **Học bổng** | **Số suất** | **Giá trị học bổng**  **(đồng/suất)** | **Tổng học bổng**  **(đồng)** |
| Học bổng xuất sắc | 50 | 24.800.000 | 1.240.000.000 |
| Học bổng toàn phần | 170 | 16.500.000 | 2.805.000.000 |
| Học bổng bán phần | 350 | 8.300.000 | 2.905.000.000 |
| **Tổng kinh phí** | | | **6.950.000.000** |
| **HỌC BỔNG HỖ TRỢ HỌC TẬP (KHÓA 51)** | | | |
| Học bổng toàn phần | 50 | 16.500.000 | 825.000.000 |
| Học bổng bán phần | 100 | 8.300.000 | 830.000.000 |
| **Tổng kinh phí** | | | **1.655.000.000** |

* Học bổng ưu tiên lĩnh vực công nghệ:

UEH sẽ cấp học bổng cho 50% số sinh viên trúng tuyển vào các chương trình đào tạo mới thuộc các lĩnh vực Máy tính, Công nghệ thông tin; lĩnh vực Công nghệ kỹ thuật, bao gồm: Khoa học máy tính, Kỹ thuật phần mềm, Robot và trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư), Điều khiển thông minh và tự động hóa (hệ kỹ sư), Công nghệ thông tin, Công nghệ nghệ thuật, Công nghệ và đổi mới sáng tạo, An toàn thông tin, Công nghệ Logistics (hệ kỹ sư). Các học bổng này bao gồm 50% học bổng toàn phần và 50% học bổng bán phần.

**2. Đào tạo tại UEH Mekong, Vĩnh Long (KSV):**

- Học bổng chung:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HỌC BỔNG TUYỂN SINH NĂM 2025 (KHÓA 51)** | | | |
| **Học bổng** | **Số suất** | **Giá trị học bổng**  **(đồng/suất)** | **Tổng học bổng**  **(đồng)** |
| Học bổng xuất sắc | 05 | 15.000.000 | 75.000.000 |
| Học bổng toàn phần | 15 | 10.000.000 | 150.000.000 |
| Học bổng bán phần | 36 | 5.000.000 | 180.000.000 |
| **HỌC BỔNG HỖ TRỢ HỌC TẬP (KHÓA 51)** | | | |
| Học bổng toàn phần | 05 | 10.000.000 | 50.000.000 |
| Học bổng bán phần | 10 | 5.000.000 | 50.000.000 |
| **Tổng kinh phí** | | | **505.000.000** |

* Học bổng ưu tiên cho 3 chương trình Công nghệ đổi mới sáng tạo, Robot và Trí tuệ nhân tạo (hệ kỹ sư), Kinh doanh nông nghiệp: 100% học sinh có hộ khẩu khu vực ĐBSCL theo học 3 chương trình đào tạo (Công nghệ và đổi mới sáng tạo, Robot và trí tuệ nhân tạo (*hệ kỹ sư*), Kinh doanh nông nghiệp) tại UEH Mekong được nhận học bổng 100% học phí học kỳ đầu (đối với sinh viên có tiêu chí xét tuyển đạt loại giỏi), 50% học phí học kỳ đầu (sinh viên có hộ khẩu ĐBSCL còn lại).

1. Các phương thức tuyển sinh năm 2024 khác với năm 2025. Xem chi tiết phương thức tuyển sinh 2024 tại [go.ueh.edu.vn/ptxt2024](http://go.ueh.edu.vn/ptxt2024) [↑](#footnote-ref-1)
2. Tiêu chuẩn AUN-QA (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN), FIBAA (Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quốc tế của châu Âu) [↑](#footnote-ref-2)
3. Các phương thức tuyển sinh năm 2024 khác với năm 2025. Xem chi tiết phương thức tuyển sinh 2024 tại go.ueh.edu/ptxt2024 [↑](#footnote-ref-3)
4. Các phương thức tuyển sinh năm 2024 khác với năm 2025. Xem chi tiết phương thức tuyển sinh 2024 tại go.ueh.edu/ptxt2024 [↑](#footnote-ref-4)
5. Tiêu chuẩn AUN-QA (Mạng lưới Đảm bảo chất lượng các trường đại học ASEAN), FIBAA (Bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng quốc tế của châu Âu) [↑](#footnote-ref-5)